

BÁO CÁO

Kết quả công tác lao động, người có công và xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, kế hoạch hành động Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Lãnh đạo Sở đã tập trung điều hành chủ động, đúng hướng, linh hoạt, kịp thời, triển khai đồng bộ, toàn diện nhiều biện pháp, giải pháp trên các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Với mục tiêu phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt các chính sách pháp luật lao động; nâng cao đời sống cho người có công, người nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; quan tâm phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới.

Kết quả năm 2023, đã hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng 17/17 chỉ tiêu nhiệm vụ của Ngành. Trong đó, 04 chỉ tiêu kinh tế - xã hội được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao đều đạt, vượt kế hoạch đề ra.

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục tập trung thực hiện tốt công tác tham mưu về cơ chế, chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội, nhằm phục vụ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp, người già, trẻ em, người có công với cách mạng, hỗ trợ đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống, đảm bảo công tác an sinh xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả đã tham mưu hoàn thành 100% các nhiệm vụ của Ngành Lao động, Người có công và Xã hội trong Chương trình công tác năm 2023 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Trong đó nổi bật là:

1. Trình Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 107-KH/TU ngày 23/3/2023 về thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW, ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước

ngoài trong tình hình mới; Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 15/8/2023 về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cho ý kiến thông qua Đề án “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Trình HĐND tỉnh thông qua 05 Nghị quyết: (1) Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 về sửa đổi, bổ sung hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS Huế; (2) Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 bãi bỏ Nghị quyết số 8h/2010/NQCD-HĐND ngày 02/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2020; (3) Nghị quyết 10/2023/NQ-HĐND ngày 29/6/2023 quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế; (4) Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người được giao nhiệm vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (5) Nghị quyết 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025. Hiện Sở đang tham mưu đề xuất xây dựng 02 Nghị quyết: Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và người có công trên địa bàn tỉnh; Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ, chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2021- 2025.

3. Trình UBND tỉnh ban hành 47/47 nhiệm vụ, Lãnh đạo Sở ban hành 201/201 kế hoạch, chương trình, đề án, quyết định theo chương trình công tác năm 2023.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA NGÀNH

1. Các chỉ tiêu được giao trong năm 2023

Đã tổ chức thực hiện 17 chỉ tiêu, nhiệm vụ của Ngành. Trong đó, 04 chỉ tiêu kinh tế - xã hội được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao năm 2023 đều đạt, vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể:

a) *Giải quyết việc làm cho 17.000 lao động, trong đó đưa 2.000 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

Đã giải quyết việc làm cho 17.034 người (đạt 100,20% so với kế hoạch năm 2023); trong đó, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài 2.325 lao động (đạt 116,25% so với kế hoạch năm 2023).

b) *Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%*

Năm 2023, lực lượng lao động toàn tỉnh là 615.142 người; trong đó lao động qua đào tạo là 432.137 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,25%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

c) *Tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới mức 2,2%*

Lực lượng lao động thành thị hiện có 269.137 người, trong đó 4.844 người đang bị thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị 1,8%, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

d) *Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,79%*

Cuối năm 2023, toàn tỉnh còn 7.540 hộ nghèo, giảm 4.195 hộ so với cuối năm 2022 (11.735 hộ nghèo). Tỷ lệ hộ nghèo 2,27%, giảm 1,29% so với năm 2022 (3,56%), vượt 0,52% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

2. Thực hiện chương trình trọng điểm của tỉnh

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- *Xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách:* Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua 06 nghị quyết và UBND tỉnh ban hành 06 quyết định, 08 kế hoạch để chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong đó, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 ban hành Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ các văn bản của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở đã ban hành 21 văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung Chương trình. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện năm 2023 phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; đề ra chỉ tiêu phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo chung chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn, hộ gia đình. Đồng thời nắm chắc số hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu hỗ trợ của người nghèo về vốn, học nghề, tạo việc làm, để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo có hiệu quả.

- *Tình hình giải ngân vốn:*

+ *Vốn ngân sách Trung ương:* Đã giải ngân được 155.813,3/433.880,9 triệu đồng, tỷ lệ 35,9%. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển giải ngân 98.909/250.297 triệu đồng, tỷ lệ 39,5%; Vốn sự nghiệp giải ngân 56.904,3/183.583,9 triệu đồng, tỷ lệ 31,0%.

+ *Vốn ngân sách tỉnh:* Đã giải ngân được 21.206/41.242 triệu đồng, tỷ lệ 51,4%. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển giải ngân 1.696/3.382 triệu đồng, tỷ lệ 50,1%; Vốn sự nghiệp giải ngân 19.510/37.860 triệu đồng, tỷ lệ 51,53%.

- *Thực hiện các chính sách giảm nghèo chung theo quy định:*

+ *Chính sách tín dụng ưu đãi:* Đã giải quyết cho 14.966 lượt hộ vay vốn với tổng kinh phí 781.965 triệu đồng của 03 chương trình vay, trong đó: Hộ nghèo: 1.480 lượt hộ vay/73.607 triệu đồng; Hộ cận nghèo: 6.123 lượt hộ vay/295.899 triệu đồng; Hộ mới thoát nghèo: 7.363 lượt hộ vay/412.459 triệu đồng. Chương trình tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội ngoài đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tiếp cận nguồn vốn, còn có các chính sách vay vốn khác như: giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; chương trình cho vay đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày

20/10/2015 của Chính phủ...

+ Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: Có 42.256 người (24.694 người thuộc hộ nghèo; 17.562 người thuộc hộ cận nghèo) được cấp thẻ BHYT với kinh phí gần 26 tỷ đồng. Có 72.219 lượt người nghèo, cận nghèo (37.341 lượt người nghèo; 34.878 lượt người cận nghèo) được khám chữa bệnh với kinh phí 60,4 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo: Năm 2023, đã hỗ trợ tiền điện cho hơn 10.000 lượt hộ nghèo với mức 55.000 đồng/tháng. Tổng kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo gần 7 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ về nhà ở: Đã có 1.578 nhà được xây mới, sửa chữa với kinh phí 72.314 triệu đồng. Trong đó, huyện A Lưới có 1.120 nhà sửa chữa, xây mới với kinh phí 58.120 triệu đồng (Từ nguồn của Chương trình 920 nhà với kinh phí 48.120 triệu đồng; nguồn Vietcombank 200 nhà với kinh phí 10.000 triệu đồng).

+ Chính sách trợ giúp pháp lý: Đã tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. Qua các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý đã thu hút 2.054 lượt người tham dự, trong đó có đối tượng người thuộc hộ nghèo. Cấp phát miễn phí tại các đợt truyền thông hơn 11.050 tờ gấp pháp luật các loại nói chung, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của người dân nói chung và người nghèo, người cận nghèo trên địa bàn.

+ Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ viễn thông: Có 35 trường học, trạm y tế tại địa bàn các xã thuộc huyện A Lưới, Nam Đông đã được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 2.329 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn 21 xã nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 5.180 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn các xã trên toàn tỉnh được hỗ trợ sử dụng dịch vụ di động.

+ Thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025: Sở đã tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí để các địa phương triển khai thực hiện các chính sách cho 989 đối tượng với kinh phí 5.271,3 triệu đồng; trong đó: ngân sách tỉnh 2.984,7 triệu đồng, ngân sách huyện 969,25 triệu đồng và nguồn vận động xã hội hoá 1.317,3 triệu đồng.

+ Nguồn lực huy động từ UBMTTQVN để thực hiện chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội: Các nguồn huy động từ Mặt trận và các tổ chức thành viên đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo (438 nhà, kinh phí 9.051 triệu đồng); hỗ trợ vốn sản xuất, quà cho học sinh nghèo, khám chữa bệnh cho người nghèo (3.054 người, kinh phí 2.341,8 triệu đồng) và rất nhiều hoạt động có ý nghĩa khác (trợ giúp khó khăn đột xuất, thăm hỏi, tặng quà 11.799 đối tượng, kinh phí 4.623 triệu đồng) nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

- Tập trung đưa huyện A Lưới thoát khỏi huyện nghèo:

Thực hiện Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; để kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện A Lưới thoát khỏi tình trạng nghèo vào Quý I/2024 theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh, hiện nay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp UBND huyện A Lưới hỗ trợ thẩm định, đánh giá các chỉ tiêu giảm nghèo, xây dựng, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bảo đảm các chỉ tiêu đưa huyện A Lưới thoát khỏi 74 huyện nghèo Quốc gia theo quy định.

b) Chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

- Xây dựng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 phê duyệt Đề án Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 14/9/2023 triển khai thực hiện Đề án; Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 14/9/2023 xây dựng hệ thống thông tin Quản lý giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng, hoàn thiện dự thảo Đề cương Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực tỉnh Thừa Thiên Huế”.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp, Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người hoàn thành nghĩa vụ quân sự năm 2023. Công tác giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được chú trọng theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 34 cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trong đó có 08 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập được hình thành và phát triển, nhiều đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, các tổ chức xã hội; gồm 01 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 03 cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp, mua sắm thiết bị giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Giao thông Huế và Trường Cao đẳng Y tế Huế đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng tâm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia).

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu nguồn nhân lực: Triển khai ứng dụng công nghệ thông

tin, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư, mua sắm; các phần mềm, ứng dụng được áp dụng hiệu quả vào công tác quản lý, giảng dạy. Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực tỉnh làm đầu mối, liên thông tích hợp cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực các ngành, lĩnh vực, địa phương tạo thuận lợi cho công tác quản lý, phân tích, thống kê, dự báo về nguồn nhân lực từ cấp tỉnh đến cơ sở.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CÁC LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực Lao động – Việc làm

a) Công tác tham mưu, triển khai

Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tiền lương, quan hệ lao động; an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài được thực hiện kịp thời. Sở đã phối hợp các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ đã ban hành các văn bản triển khai hoạt động; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế đã ban hành kế hoạch và chỉ đạo đẩy mạnh công tác lao động - việc làm năm 2023 tại địa phương.

b) Về phát triển thị trường lao động, thực hiện các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động:

Kết nối thông tin Cung - Cầu lao động thông qua việc duy trì các Phiên giao dịch việc làm định kỳ vào ngày 05 và 20 hàng tháng. Trong năm, đã tổ chức 27 phiên giao dịch việc làm với 6.137 lượt lao động tham gia, 62.696 vị trí việc làm, trong đó 609 lao động được tiếp nhận. Phối hợp tổ chức thành công Ngày Hội việc làm - Tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023 có 45 đơn vị và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, tuyển dụng trên 22.762 chỉ tiêu; thông qua Ngày hội số người truy cập mạng, trực tiếp tiếp cận thông tin việc làm, định hướng nghề nghiệp hơn 9.200 người, kết quả tuyển sinh, tuyển dụng tại Ngày hội 226 người.

Tổ chức tuyên truyền hướng dẫn người lao động đăng ký đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS, làm việc tại Nhật Bản theo Chương trình EPA và IM Japan, làm việc tại CHLB Đức theo chương trình đưa hộ lý, điều dưỡng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội¹; phối hợp với các doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông tin, tổng hợp các chương trình, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tạo việc làm:

Trình UBND tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay năm 2023 hơn 20 tỷ đồng. Tham mưu UBND tỉnh phân bổ số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ quốc gia về việc làm để bổ sung vào nguồn vốn cho vay của địa

¹ Phối hợp với Cục Quản lý lao động ngoài nước tổ chức Hội nghị thông tin tuyển ứng viên điều dưỡng, hộ lý đi làm việc tại Nhật Bản theo Chương trình EPA với hơn 200 sinh viên tham dự là sinh viên mới tốt nghiệp, sinh viên năm cuối của Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Cao đẳng Y tế Huế và lao động Thừa Thiên Huế đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng chuyên ngành Điều dưỡng chưa có việc làm hoặc việc làm chưa ổn định.

phương; bổ sung 06 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện hỗ trợ cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đã giải ngân 288.598 triệu đồng, góp phần giải quyết việc làm cho 5.282 lao động và 2.925 lao động tự tạo việc làm trong lĩnh vực không có quan hệ lao động.

Năm 2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương đã tiếp nhận và giải quyết chính sách hỗ trợ cho 506 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với tổng số tiền hơn 1.475 triệu đồng, trong đó, có 92 trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số, lao động thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển. Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân cho 345 lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với tổng số vốn 25.570 triệu đồng (260 trường hợp vay vốn từ nguồn vốn địa phương với tổng kinh phí 18.425 triệu đồng, 85 trường hợp vay từ nguồn vốn Trung ương với tổng kinh phí 7.145 triệu đồng).

c) Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tiền lương, quan hệ lao động

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh ký kết Quy chế phối hợp số 572/QCPH-SLĐTBXH-BHXH ngày 16/3/2023 về công tác giải quyết, chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp và theo dõi đối tượng thụ hưởng nhằm phối hợp, tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, giải quyết chi trả các chế độ BHTN. Phối hợp với Cục Việc làm tổ chức Hội nghị đối thoại, tuyên truyền chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam với gần 350 đại biểu tham dự.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã hỗ trợ tích cực cho lao động bị mất việc làm, góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh. Kết quả: Số người nộp hồ sơ hưởng BHTN: 10.986 người, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2022 (9.323 người); số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp: 10.952 người; tăng 19% so với cùng kỳ năm 2022 (9.207 người); số người được hỗ trợ học nghề: 895, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2022 (650 người). Đã chi trợ cấp thất nghiệp: 188.851 triệu đồng; chi hỗ trợ học nghề: 4.564 triệu đồng. Công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT được chú trọng, tính đến hết tháng 11/2023: Số người tham gia BHXH trên địa bàn tỉnh là 145.843 người, chiếm tỷ lệ 27,71% so với lực lượng lao động trong độ tuổi².

Tham mưu ban hành và thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 18/11/2019 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ

² Trong đó: tham gia BHXH bắt buộc: 127.533 người, đạt 94,61% so với Kế hoạch; tham gia BHXH tự nguyện: 18.310 người, đạt 74,52% so với Kế hoạch số 47/KH-BCĐ. Số người tham gia BHTN: 119.128 người, chiếm tỷ lệ 22,63% so với lực lượng lao động trong độ tuổi; đạt 91,18% so với Kế hoạch số 47/KH-BCĐ. Số người tham gia BHYT: 1.154.537 người, tăng 1.730 người so với tháng 12/2022; đạt 99,25% so với Kế hoạch số 47/KH-BCĐ; đạt 102,26% so với chỉ tiêu được giao năm 2023 tại Quyết định số 546/QĐ-TTg. Độ bao phủ BHYT đạt 99,12% so với dân số toàn tỉnh.

đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới³.

d) An toàn, vệ sinh lao động

Phối hợp Liên đoàn Lao động tỉnh, UBND thị xã Hương Trà và các cơ quan liên quan tổ chức thành công Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động - Tháng công nhân năm 2023, với hơn 900 người tham dự là các cơ quan, đơn vị, người lao động ở các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Huế, thị xã Hương Trà. Phối hợp VTV8 thực hiện phóng sự về thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) và chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Phối hợp với Cục An toàn lao động tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác ATVSLĐ và về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 450 cán bộ ATVSLĐ, nhân sự tiền lương, bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp.

đ) Quản lý lao động nước ngoài

Quản lý, theo dõi lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế, hướng dẫn các cơ quan liên quan gia hạn giấy phép lao động cho người lao động đang làm việc, cấp giấy phép lao động mới cho các chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật là người nước ngoài để thay thế cho những người không được nhập cảnh hoặc không nhập cảnh trở lại Việt Nam được chú trọng, đã đáp ứng một phần nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh⁴.

2. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

a) Công tác triển khai thực hiện

Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng Đề án và tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định sáp nhập Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế vào Trường Cao đẳng Giao thông Huế và đổi tên thành Trường Cao đẳng Huế; chuyển chức năng, nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp Trường Trung cấp Thể dục thể thao vào Trường Cao đẳng Huế.

Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam (GIZ), Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thành công Hội thảo “Giáo dục nghề nghiệp nâng tầm kỹ năng lao động trong tình hình mới” với hơn 200 đại biểu tham gia. Qua đó đã thảo luận, kiến nghị các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực, kỹ năng giúp người lao động tìm được việc làm hiệu quả đáp ứng các doanh nghiệp; Chia sẻ những mô hình liên kết, hợp tác hiệu quả giữa

³ Năm 2023, đã có 253/294 tổng số DN có tổ chức công đoàn cơ sở tổ chức đối thoại với người lao động, bao gồm 290 cuộc đối thoại thường kỳ và 18 cuộc đối thoại đột xuất; có 271/294 DN công đoàn cơ sở thuộc đối tượng phải tổ chức hội nghị người lao động; có 249/294 công đoàn cơ sở doanh nghiệp đã ký kết thỏa ước lao động tập thể, đạt tỷ lệ 84,7%; có 5/5 doanh nghiệp nhà nước và 224/289 doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở

⁴ Từ đầu năm đến nay, Sở đã tiếp nhận 142 hồ sơ giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp mới 165 giấy phép lao động cho người nước ngoài; 07 hồ sơ cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài, 36 hồ sơ gia hạn giấy phép lao động và 28 hồ sơ xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép, 03 báo cáo sử dụng lao động nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đặc biệt quan tâm đào tạo nghề cho người vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp với hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp nhằm tác động trực tiếp tới cảm nhận của doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước.

Tổ chức thành công Hội thảo chuyên đề về "Tăng cường gắn kết các bên trong Giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động" tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Hội giảng nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp và Hội thao mở rộng ngành Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023. Phối hợp Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh tổ chức triển khai khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng chương trình đào tạo trong cho cán bộ, nhà giáo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023. Tiếp tục củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường cao đẳng, trung cấp, Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện; đảm bảo đủ năng lực dạy nghề trong tình hình mới. Tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật giáo dục nghề nghiệp ở một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả công tác đào tạo nghề, tuyển sinh

- *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT):*

Phối hợp với Hội nông dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, đào tạo nghề cho LĐNT trong các chương trình mục tiêu quốc gia: 2.806 người; trong đó nghề phi nông nghiệp: 2.130 người; nghề nông nghiệp: 676 người. Có 1.201 người lao động nông thôn tham gia học nghề phi nông với kinh phí hỗ trợ từ dự án khác và kinh phí đóng góp của người học.

- *Hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện:*

Đã phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, UBND cấp huyện cập nhật số lượng thanh niên xuất ngũ để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho các đối tượng. Chỉ tiêu theo kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề năm 2023, số người xuất ngũ trở về địa phương khoảng 1.100 người có thể học nghề; UBND tỉnh đã giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 với tổng kinh phí là 5.000 triệu đồng (phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội). Sở đã tiến hành ký kết hợp đồng với Trường Cao đẳng Giao thông Huế để đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho 437 người quân nhân xuất ngũ. Với tổng kinh phí là 4.992 triệu đồng.

Trong năm 2023 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đào tạo và hoàn thành khóa học, cấp chứng chỉ cho 254 học viên là quân nhân xuất ngũ, đa số có nơi thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua theo dõi có 80% số lượng học viên học nghề được giải quyết việc làm.

- *Đào tạo nghề cho người chấp hành xong án phạt tù:*

Phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức 02 Hội nghị tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm, tái hòa nhập cộng đồng cho 300 phạm nhân sắp chấp hành xong hình phạt tù thuộc Trại giam công an tỉnh và

Trại giam Bình Điền. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho số phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù, phạm nhân được đặc xá, phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện; theo đó nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề: 67 người; Tư vấn, giới thiệu việc làm: 178 người; Đã tìm được việc làm ổn định: 63 người.

Phối hợp với Công an tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các chương trình tín dụng ưu đãi đến với người chấp hành án phạt tù nhằm hỗ trợ cho họ tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi một cách kịp thời theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, đã có 19 người trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ vay vốn để phát triển kinh tế tại hộ gia đình.

- Công tác tuyển sinh

Năm 2023, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tuyển sinh 16.150 người, trong đó: 3.990 học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp THCS, THPT học trình độ cao đẳng, trung cấp và 12.160 người học trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,25%. Số học sinh đã tốt nghiệp 14.150 người (cao đẳng, trung cấp 2.100 người, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác 12.050 người).

3. Chính sách Người có công

Thực hiện kịp thời và đầy đủ chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; các hoạt động “*đền ơn đáp nghĩa*”, “*uống nước nhớ nguồn*” luôn được quan tâm. Nhân dịp Tết Nguyên đán 2023, kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023) đã có 120.579 suất quà của Chủ tịch nước, của tỉnh, của cấp huyện cho người có công với tổng kinh phí hơn 36.118 triệu đồng. Giải quyết chế độ chính sách hàng tháng cho 15.544 người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng, kinh phí hơn 25.152 triệu đồng. Tiếp nhận và giải quyết 2.492 hồ sơ đề nghị xác nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công và 27 đơn thư (trong đó có 20 đơn kiến nghị chế độ chính sách, 07 đơn tìm mộ liệt sĩ). Đề nghị cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với 229 trường hợp đơn đề nghị và chuyển 118 Bằng đã được cấp lại về các địa phương.

Phối hợp Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổ chức Hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc năm 2023 với 300 đại biểu người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ tiêu biểu trên cả nước và 20 cán bộ đi B về tham dự Hội nghị. Tổ chức Đoàn tham dự Hội nghị gặp mặt Cựu nữ tù binh trại giam Phú Tài thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đã tổ chức vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2023 đến 300 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh, với kinh phí 1,3 tỷ đồng. Công tác mộ, nghĩa trang được quan tâm sửa chữa, xây dựng, tu bổ; công tác đình chính, xác định thông tin, di chuyển, tìm mộ liệt sĩ được giải quyết kịp thời. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức Lễ Truy điệu, an táng hài cốt 16 liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước CHDCND Lào đưa về nước.

4. Chính sách xã hội

a) Công tác bảo trợ xã hội

Các chính sách xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả, kịp thời chi trả trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh. Thực hiện trợ cấp xã hội cho 60.834 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng chính sách tại cộng đồng với kinh phí thực hiện hàng tháng hơn 32 tỷ đồng; Thực hiện chu đáo, kịp thời công tác thăm, tặng quà cho đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi nhân dịp lễ, Tết⁵. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 137/141 xã, phường, thị trấn triển khai phương thức chi trả điện tử cho đối tượng bảo trợ xã hội, chiếm tỷ lệ 97,16%; Có 48.247/60.738 đối tượng trực tiếp, người ủy quyền, người giám hộ được mở tài khoản, chiếm tỷ lệ 79% trên tổng số đối tượng. Tổng số đối tượng, người được ủy quyền, người giám hộ được chi trả chính sách trợ giúp xã hội qua tài khoản trên địa bàn tỉnh là: 33.054/60.738 đối tượng, chiếm tỷ lệ 54%.

Tiếp tục tuyên truyền, giới thiệu nhiệm vụ, vai trò của nghề công tác xã hội đến các địa phương, người dân. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân Ngày công tác xã hội Việt Nam 25/3; Ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4; Ngày người cao tuổi Việt Nam 6/6... Xây dựng phóng sự truyền thông chuyên tải thông tin về công tác xã hội, chăm sóc sức khỏe người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng yếu thế khác. Đã tổ chức 19 lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng nghề công tác xã hội cho 1.067 học viên là cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội trên địa bàn tỉnh; tập huấn cho 251 viên chức, người lao động các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở điều dưỡng, chăm sóc người có công, trạm y tế trên địa bàn tỉnh về Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn.

Công tác người cao tuổi luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp lồng ghép tổ chức của các sở, ban, ngành, đoàn thể. Đội ngũ cán bộ Ngành Lao động-Thương binh và Xã hội, cán bộ Hội người cao tuổi các cấp, đội ngũ cán bộ công tác xã hội, gia đình và cộng đồng tham gia tích cực chăm lo, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi ngày càng được nâng cao. Các mô hình Câu lạc bộ người cao tuổi, đặc biệt là mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được triển khai xây dựng, bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả. Các địa phương làm tốt công tác thăm hỏi, tặng quà, chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi.

Về công tác quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội: Toàn tỉnh hiện có 24 cơ sở

⁵ Thăm, chúc thọ và tặng 172 suất quà cho 172 người cao tuổi tròn 100 tuổi với tổng kinh phí 172 triệu đồng; người cao tuổi tròn 90 tuổi 1.435 suất quà với tổng kinh phí 861 triệu đồng; Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, tư tục 23 suất quà với kinh phí hơn 29 triệu đồng; hộ nghèo: 11.735 suất quà với tổng kinh phí hơn 5.867 triệu đồng; hộ cận nghèo 10.854 suất quà với tổng kinh phí hơn 3.256 triệu đồng; đối tượng bảo trợ xã hội: 61.672 suất quà với tổng kinh phí hơn 18.501 triệu đồng.

trợ giúp xã hội đang hoạt động, trong đó có 03 cơ sở trợ giúp xã hội công lập và 21 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập. Các cơ sở hiện đang nuôi dưỡng 1.393 đối tượng là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng khác; tăng 67 đối tượng so với năm 2022 (1.326 đối tượng). Đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội được giáo dục, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí. Cơ sở vật chất, điều kiện nuôi dưỡng rộng rãi, sạch sẽ, đầy đủ các trang thiết bị học tập, nghỉ ngơi, vui chơi của đối tượng. Đội ngũ cán bộ, nhân viên tại các cơ sở được quan tâm đào tạo nâng cao nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho đối tượng.

b) Công tác trẻ em

Toàn tỉnh hiện có 292.208 trẻ em, chiếm 26% tổng dân số (trẻ em nam chiếm trên 51%); 4.206 trẻ em thuộc 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó 4.050 trẻ được hưởng trợ cấp xã hội và chăm sóc bằng các hình thức khác nhau (đạt 96,3%); có 6.961 trẻ em trong các gia đình thuộc hộ nghèo và 7.272 trẻ em trong gia đình thuộc hộ cận nghèo.

- *Về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:* Số trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn là 747 trẻ em, cụ thể: Trẻ mồ côi: 381; Trẻ khuyết tật: 392; Trẻ thuộc đối tượng khác: 74. Số trẻ em được hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng 3.303, cụ thể: Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng: 624 (Trẻ em KTĐBN thuộc hộ nghèo 88; Trẻ em KTĐBN không thuộc hộ nghèo 536); Trẻ em bị khuyết tật nặng: 1.644 (Trẻ em KTN thuộc hộ nghèo 175; Trẻ em KTN không thuộc hộ nghèo 1.469); Trẻ em dưới 4 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo 752; Trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng (mồ côi, bỏ rơi...) 191; Gia đình, cá nhân nhận chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ mồ côi: 92.

- *Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em:* Luôn được các cấp các ngành chăm lo, đặc biệt chú trọng đến tuyên truyền bảo vệ, phòng ngừa nguy cơ gây tổn hại trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực; đẩy mạnh tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em góp phần hạn chế các tai nạn đáng tiếc xảy ra. Sở đã trình UBND tỉnh ban hành Công văn số 10517/UBND-XH ngày 02/10/2023 về việc bảo đảm môi trường sống an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em.

Tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh có 1.485 trường hợp trẻ em bị tai nạn thương tích giảm 12 trường hợp so cùng kỳ năm 2022 (1.497 trường hợp); trong đó, có 16 trường hợp tử vong giảm 5 trường hợp so với năm 2022 (21 trường hợp); 11 trường hợp đuối nước, 03 trường hợp tai nạn giao thông; 01 trường hợp ngã do xe đò và 01 trường hợp trâu dẫm dẫn đến tử vong.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ, trao quà tặng cho trẻ em nghèo hiếu học, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương và nhà hảo tâm tổ chức trao hơn 5.000 phần quà, suất học bổng có giá trị cho trên 3.000 lượt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, với số tiền trao tặng trên 6 tỷ đồng. Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, xây dựng điểm vui chơi cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thông qua các hoạt động nhân dịp ngày lễ “Vui Tết thiếu

ni”, Lễ phát động “Tháng hành động vì trẻ em và Quốc tế thiếu nhi 1/6”. Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em đã phối hợp với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế - Hội Nữ tri thức – Ban Từ thiện xã hội tổ chức chương trình “Vui Tết trung thu” cho 1000 trẻ em khó khăn trên địa bàn tỉnh với kinh phí tổ chức khoảng 600 triệu đồng; Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng cuộc sống và hỗ trợ thư viện, thiết bị sân chơi trẻ em.

c) Công tác Phòng chống tệ nạn xã hội

- *Cai nghiện ma túy*: Tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua, triển khai Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người được giao nhiệm vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh các địa phương tổ chức 20 lớp tuyên truyền tập huấn công tác phòng chống ma túy, đặc biệt chú trọng tập trung vào các địa bàn trọng điểm, phức tạp về tệ nạn xã hội cho hơn 2000 lượt người là cán bộ cốt cán các xã, phường, thị trấn và sinh viên các trường cao đẳng nghề.

Toàn tỉnh hiện có 484 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý. Năm 2023, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng cho 178 người nghiện; Trung tâm Bảo trợ xã hội tiếp nhận mới, cai nghiện 54 học viên bắt buộc. Công tác quản lý sau cai được các địa phương tổ chức thực hiện theo quy định⁶.

- *Phòng chống mại dâm*: Toàn tỉnh có 976 cơ sở kinh doanh, dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn xã hội⁷. Tổng số người qua rà soát phát hiện nghi vấn hoạt động là 76 người, trong đó: chủ chứa: 47 người; môi giới: 10 người, gái bán dâm: 19 người. Sở đã ban hành, triển khai kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống mại dâm trên địa bàn tỉnh. Đội 178 tỉnh đã tổ chức 40 lượt kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng hoạt động mại dâm; trong đó 7 cơ sở được nhắc nhở, chấn chỉnh. Tập huấn phòng ngừa mại dâm cho 1.200 người là cán bộ cốt cán các huyện, thành phố Huế.

- *Tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về*: Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh xây dựng kế hoạch truyền thông, tập huấn về phòng chống mua bán người cho 40 cán bộ làm công tác phòng chống tệ nạn xã hội các huyện, thị xã và thành phố Huế; tổ chức 5 lớp tập huấn cho khoảng 600 cán bộ cơ sở tham gia. Cung cấp cho các địa phương hơn 20.000 các loại tờ rơi về phòng chống mua bán người nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về phòng chống tệ nạn xã hội.

d) Công tác Bình đẳng giới và và Vì sự tiến bộ của phụ nữ

⁶ UBND xã đã ra Quyết định quản lý sau cai 66 trường hợp (trong đó: Thành phố Huế 27 người, thị xã Hương Thủy 17, huyện Phú Vang 07, huyện Phú Lộc 08, huyện A Lưới 02, huyện Phong Điền 05, riêng huyện Nam Đông, Quảng Điền và thị xã Hương trà chưa có người quản lý sau cai nghiện), số người tái nghiện trong thời gian bị quản lý sau cai: 01, Số tạo được việc làm: 08 người (trong đó thành phố: 08 người)

⁷ Trong đó: bar: 2, khách sạn 236, nhà nghỉ, nhà trọ 389, karaoke: 254, massage: 30, cà phê đèn mờ 15, nhà hàng 29, cắt tóc 21. Số cơ sở nghi vấn có hoạt động mại dâm: 25 cơ sở, trong đó: Khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ: 9; karaoke: 03; Cắt tóc: 01; massage: 8; cà phê: 4. Số cơ sở đã bị xử lý liên quan đến hoạt động mại dâm: 08 cơ sở. Số nhân viên nghi vấn hoạt động mại dâm trong các cơ sở 74 người.

Tổ chức thành công Hội thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số với hơn 3.000 lượt người tham gia. Qua đó, đã nhận được các sáng kiến, mô hình, hiệu quả thiết thực để truyền thông nhân rộng góp phần thực hiện mục tiêu tuyên truyền, vận động bình đẳng giới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch, tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023 tại huyện A Lưới.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện mô hình “Ngăn ngừa, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới” và mô hình “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng” tại 6 xã/phường của 5 huyện/thị xã/thành phố. Tập huấn kỹ năng thu thập thông tin, xử lý số liệu phục vụ công tác báo cáo về bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ trên địa bàn tỉnh; tập huấn phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 trong khuôn khổ Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”, năm 2023; tập huấn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong xung đột hôn nhân và gia đình. Tổ chức Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm hoạt động bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ trên địa bàn tỉnh”.

5. Thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí

- *Thanh tra, kiểm tra, điều tra tai nạn lao động*: Năm 2023, Sở đã tổ chức thực hiện 06 cuộc thanh tra, kiểm tra, gồm: 01 cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em và 05 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại 05 công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Triển khai kiểm tra liên ngành việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động tại 25 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đã nhận được thông tin qua khai báo 10 vụ tai nạn lao động, làm chết 10 người; trong đó 05 vụ xảy ra trong lao động làm chết 05 người, 05 vụ xảy ra trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại làm chết 5 người, giảm 23% so với năm 2022. Số vụ tai nạn lao động đã điều tra năm 2023 là 02 vụ, 08 vụ đang đôn đốc cơ quan chức năng kết luận điều tra, chuyển hồ sơ cho Đoàn điều tra tai nạn lao động tỉnh để điều tra kết luận.

- *Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*: Tiếp công dân định kỳ và thường xuyên 260 lượt/28 người; tham gia tiếp công dân định kỳ cùng với lãnh đạo tỉnh 11 cuộc. Tiếp nhận, xử lý 41 đơn (07 đơn khiếu nại, 04 đơn tố cáo, 30 đơn kiến nghị, phản ánh). Phối hợp, làm việc với Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành pháp luật về việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam tại doanh nghiệp.

- *Phòng, chống tham nhũng, lãng phí*: Tiếp tục phổ biến, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động về Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo quy định; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của

Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 1451/CV-TTCTP ngày 26/8/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TU, ngày 12/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập. Ban hành, triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 tại Sở.

Tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện Kết luận 206 của Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về thu hồi số tiền hưởng sai chế độ ưu đãi người có công theo quy định.

6. Công tác cải cách hành chính, KSTTHC, ISO, chuyển đổi số ngành

Công tác tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế tiếp tục thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ các phòng, trung tâm thuộc Sở; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức. Thành lập Đội trật tự xã hội tập trung và xử lý người lang thang thuộc Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em; Tiếp tục thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, các Nghị định của Chính phủ. Biên chế công chức năm 2023 của Sở là 42 người, giảm 03 viên chức hành chính, so với năm 2022; Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở năm 2023 là 99 người, tăng 09 người làm việc so với số giao của năm 2022; đã thực hiện bổ nhiệm lại 03 viên chức quản lý; nâng lương, giải quyết thôi việc, nghỉ hưu cho 48 công chức, viên chức.

Ban hành tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch về công tác cải cách hành chính, ISO, cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính nhằm giảm thời gian giải quyết, thành phần hồ sơ, tỷ lệ cắt giảm chi phí 42,86%. Triển khai Kế hoạch ISO năm 2023, Sở đề ra mục tiêu 100% phòng, trung tâm thuộc Sở tiếp tục duy trì, cải tiến và thực hiện công bố hoặc công bố lại HTQLCL; đã ban hành Quyết định số 1753/QĐ-SLĐTĐBXH ngày 11/11/2022 áp dụng 25 quy trình ISO nội bộ, 129 quy trình ISO giải quyết thủ tục hành chính theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 thuộc phạm vi của Sở; thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt, triển khai chính quyền điện tử. Phối hợp Sở Thông tin – Truyền thông hoàn thành tích hợp giữa Công dịch vụ công quốc gia/Hệ thống dịch vụ công của tỉnh với Hệ thống Quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đối với 03 thủ tục hành chính thiết yếu theo yêu cầu tại Đề án 06 về trợ cấp mai táng phí, hỗ trợ chi phí mai táng lĩnh vực bảo trợ xã hội, người có công và bảo hiểm thất nghiệp. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính “*Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí, hỗ trợ chi phí mai táng*”, đối với lĩnh vực bảo trợ xã hội đã tiếp nhận, xử lý 1.188 hồ sơ (trong đó: số hồ sơ đúng hạn 314, số hồ sơ trước hạn 558, số hồ sơ trễ hạn 349); lĩnh vực người có công đã tiếp nhận, xử lý 43 hồ

sơ (trong đó: số hồ sơ đúng hạn 34, số hồ sơ trễ hạn 06, đang giải quyết 03 hồ sơ). Thủ tục bảo hiểm thất nghiệp đã giải quyết chiếm 0,6% so với tổng số người được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn (55/9.201 người).

7. Lĩnh vực Kế hoạch - Tài chính

Phân bổ dự toán thu, chi NSNN năm 2023 các nguồn kinh phí địa phương và Trung ương cho các đơn vị trực thuộc Sở và 09 huyện, thị xã, thành phố; phối hợp Sở Tài chính và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố thẩm tra duyệt quyết toán nguồn kinh phí địa phương và nguồn kinh phí trung ương năm 2022. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát kinh phí triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, tiểu dự án của Ngành, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, năm 2023; Chương trình triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Dự án Cơ sở Trợ giúp xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động kế toán đảm bảo thu, chi đúng chế độ, kịp thời, chính xác theo quy định pháp luật. Công tác quy hoạch ngành, tham gia góp ý xây dựng quy hoạch chung tỉnh Thừa Thiên Huế, đánh giá các chỉ tiêu phục vụ công tác xây dựng, phát triển ngành được chú trọng quan tâm. Ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về lĩnh vực kế hoạch tài chính có hiệu quả. Qua đó, tạo điều kiện giúp các huyện, thị xã, thành phố Huế và các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

8. Hợp tác quốc tế, truyền thông

Năm 2023, hoạt động hợp tác quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Làm việc với Nghiệp đoàn SAIKAIYO trao đổi, bàn bạc thống nhất phương hướng, đưa ra các giải pháp đẩy mạnh hoạt động đưa thực tập sinh kỹ năng đi thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản trên địa bàn tỉnh; làm việc với Ngân hàng Thế giới trao đổi, nắm bắt tình hình, kết quả hợp tác thí điểm chi trả điện tử chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Phối hợp tổ chức USAID triển khai Dự án “Hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật tại các tỉnh bị phun rải nặng chất độc da cam”; Dự án "Tăng cường cơ hội và nâng cao vị thế cho người khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2024"; Phối hợp tổ chức KOICA, Hàn Quốc, Viện Phát triển Tái định hình ReDi hướng dẫn thủ tục xác nhận không thuộc diện cấp Giấy phép lao động cho 13 tình nguyện viên đến làm việc tại Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh tiếp đón đoàn Ban công tác đặc biệt của 02 tỉnh Salavan và Sekong nước CHDCND Lào và tổ chức Lễ truy điệu, an táng 16 hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào về nước.

Phối hợp với Văn phòng tổ chức Zhishan Foundation ký kết văn bản thỏa thuận triển khai các dự án hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025 (Năm 2023, tổng kinh phí các dự án được thỏa thuận và phê duyệt trong năm là 3.443.695.000 đồng). Theo đó đã tổ chức trao học bổng hỗ trợ cho 729 em học sinh, sinh viên nghèo vượt khó; Hỗ trợ kinh phí nuôi dưỡng 100 cháu tại Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chùa Đức Sơn; hỗ trợ trang thiết bị thư viện thân thiện, các hoạt động đọc sách

tại các điểm trường trên địa bàn TP. Huế, huyện Phú Vang, Phú Lộc, Phong Điền. Phối hợp tổ chức Hue Help (Anh) triển khai phi dự án "Hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em" với tổng kinh phí hơn 249 triệu đồng⁸.

Công tác truyền thông các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội tiếp tục được chú trọng tăng cường, có trọng tâm, trọng điểm. Trong những tháng đầu năm, đã tập trung truyền thông đối với việc ổn định thị trường lao động - việc làm, chăm lo an sinh cho người lao động trong bối cảnh các doanh nghiệp cắt giảm lao động do thiếu đơn hàng. Trong đó, tập trung tuyên truyền các giải pháp thực hiện việc hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động bị mất việc, giãn việc, tạm nghỉ việc do thiếu đơn hàng sản xuất; việc chi trả bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; việc xây dựng và bảo đảm quan hệ lao động hài hòa và tiến bộ tại doanh nghiệp. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động và Tháng Công nhân, Tháng hành động về trẻ em năm 2023; đồng thời, tuyên truyền trọng tâm, trọng điểm các hoạt động chuẩn bị kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2023). Tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân Ngày công tác xã hội Việt Nam; Ngày người khuyết tật Việt Nam, Tháng hành động phòng, chống ma túy, lễ phát động "Tháng hành động vì trẻ em và Quốc tế thiếu nhi 1/6", Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam, Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, nhằm truyền thông chuyển tải thông tin về lĩnh vực công tác xã hội, khẳng định quyền được bảo đảm an sinh xã hội, tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.

9. Hoạt động của các đơn vị trực thuộc

a) Trung tâm Dịch vụ việc làm: Tập trung đẩy mạnh, triển khai đồng bộ công tác phát triển thông tin thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác tư vấn giới thiệu việc làm và cung ứng lao động; hoạt động sàn giao dịch việc làm trực tuyến và trực tiếp. Trong năm, Trung tâm đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 73.478 người, 973 doanh nghiệp tham gia; kết quả đã giới thiệu việc làm thành công 939 người (904 việc làm trong nước và 35 việc làm nước ngoài). Thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp kịp thời, đúng quy định.

b) Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công: Trong năm tổ chức 24 đoàn điều dưỡng tập trung đối với người có công và thân nhân liệt sĩ các huyện, thị xã, thành phố Huế với tổng số 1.076/1.658 người có công (đạt 64.90% so với kế hoạch đề ra). Hiện Trung tâm đang nuôi dưỡng 13 người có công.

c) Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, chữa bệnh, cai nghiện và dạy nghề cho học viên cai nghiện ma túy; tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, phối hợp điều

⁸ Các hoạt động Hue Help đã hỗ trợ cho các em tại Trung tâm CTXH và Quỹ BTTE: Hỗ trợ thuê gia sư dạy học thêm cho các cháu cấp 1, cấp 2 và cấp 3 tại Trung tâm; Hỗ trợ kinh phí đưa đón chờ cháu Nguyễn Thị Vân Anh và cháu Ra Phát Chối đi học nghề.- Tổ chức cho các em tham gia giải chạy marathon Hue 2023; Tổ chức cho các em tham gia học bơi tại bể bơi Lê Quý Đôn; Tổ chức hoạt động tham quan, dã ngoại trong dịp hè: tham quan công trời Đông Giang, tắm biển tại biển Thuận An. Tất cả các hoạt động đã được Hue Help hỗ trợ với tổng kinh phí hoạt động là 140.000.000 đồng.

trị và phục hồi chức năng cho người khuyết tật thân kinh tâm thần. Trong năm, Trung tâm tiếp nhận 53 học viên cai nghiện ma túy, gồm 52 học viên cai nghiện ma túy bắt buộc và 01 học viên cai nghiện quản lý trong thời gian lập hồ sơ; giảm 34 học viên cai nghiện ma túy. Hiện Trung tâm đang quản lý, cai nghiện 54 học viên cai nghiện ma túy bắt buộc. Thời gian qua, Trung tâm đã phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức hướng dẫn cho đối tượng học và làm các nghề: may thảm chà chân, cơ khí, đan lát, nghề làm hương, đan lưới... cho 141 lượt người cai nghiện ma túy.

Công tác chăm sóc đối tượng tâm thần được quan tâm chú trọng thông qua các hoạt động giáo dục văn hóa, học nghề; vui chơi giải trí, giáo dục kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe... Trong năm, đã tiếp nhận mới 57 người, giảm 20 người tâm thần (hồi gia 15, chết 05); Trung tâm hiện đang quản lý, nuôi dưỡng, phối hợp điều trị và phục hồi chức năng cho 523 người tâm thần.

d) Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em: Trong năm tiếp nhận mới 73 đối tượng (54 người lang thang, 02 trẻ em bị bỏ rơi, 17 người tự nguyện), giảm 56 người (45 người lang thang; 8 người tự nguyện; 3 người chết). Trung tâm đang nuôi dưỡng 118 đối tượng, trong đó: 81 người bảo trợ xã hội, 33 người tự nguyện, 04 người lang thang. Công tác chăm sóc các đối tượng được thực hiện tốt, đặc biệt quan tâm đến vấn đề sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm cho đối tượng. Tiếp tục vận động các cơ quan, tổ chức và cá nhân ủng hộ kinh phí, vật dụng để chăm lo tốt hơn cho các đối tượng đang nuôi dưỡng tại Trung tâm và các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại cộng đồng.

10. Hoạt động lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội cấp huyện, cấp xã

Tham mưu UBND cùng cấp ban hành, triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về lao động, người có công và xã hội năm 2023 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và tình hình thực tiễn tại địa phương. Đặc biệt là tiếp tục tham mưu triển khai 02 Nghị quyết của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

Tham mưu và triển khai thực hiện kịp thời công tác thăm, tặng quà cho các đối tượng người có công, bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; công tác chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND; triển khai thực hiện chúc thọ, mừng thọ, tặng quà cho người cao tuổi. Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả nhằm chuyển đổi phương thức chi trả bảo trợ xã hội bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống ngân hàng đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi. Đây mạnh hoạt động truyền thông thông qua tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động phòng, chống ma túy; Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động, Tháng hành động vì trẻ em, Tháng hành động bình đẳng giới, Tháng hành động người cao tuổi, Ngày Người khuyết tật, Ngày Toàn dân phòng chống mua bán người...

Triển khai công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; thu thập thông tin thị trường lao động (cung cầu-lao động) năm 2023. Phối hợp với các đơn vị đào tạo nghề, doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức tư vấn, tuyển sinh lao động tham gia học các ngành nghề; tư vấn công tác việc làm, tuyển chọn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho quân nhân xuất ngũ năm 2023 và người lao động tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp từ thiện (trong và ngoài nước) trao học bổng, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

Công chức Lao động – Thương binh và Xã hội cấp xã được kiện toàn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tham mưu thực hiện tốt các nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp thực hiện của các sở, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến các địa phương, đơn vị. Qua đó giúp cho việc triển khai, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Ngành được thuận lợi, hiệu quả.

Ngay từ đầu năm, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch năm các lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội; tích cực phối hợp triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch trong toàn Ngành nên hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt theo kế hoạch đề ra. Nhiều nhiệm vụ trọng tâm được tăng cường, đẩy mạnh nhất là thực hiện các chương trình, đề án trọng điểm của Ngành (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đề án rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh...). Các chính sách bảo đảm an sinh xã hội như: trợ cấp xã hội, hỗ trợ tặng quà cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em nghèo trong dịp lễ, tết được tăng cường; tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho các đối tượng đặc thù, lao động nông thôn; triển khai các chính sách, giải pháp về lao động việc làm, thất nghiệp, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, phòng ngừa tệ nạn xã hội. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư đúng quy định, không để đơn tồn đọng.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025:

- Người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ tiếp (chính sách hỗ trợ y tế, chính sách hỗ trợ giáo dục, chính sách hỗ trợ về nhà ở...), dẫn đến tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, phong tục tập quán, chi tiêu và tích lũy trong các hộ dân vẫn chưa được tích cực đổi mới.

- Để triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung

ương, trong giai đoạn 2021-2025, HĐND và UBND tỉnh phải ban hành rất nhiều Nghị quyết, Quyết định văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện Chương trình, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng tổ chức thực hiện.

- Hiện nay, chính sách hỗ trợ về lĩnh vực việc làm và giáo dục nghề nghiệp trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 cơ bản các đối tượng, nội dung hỗ trợ là giống nhau. Do đó, việc xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện gặp khó khăn, dễ trùng lặp, chồng chéo.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp; Trường Trung cấp và Trường Cao đẳng. Tại khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục năm 2019 thì cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Học tập cộng đồng và Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên. Đối chiếu với các quy định này thì các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình (gồm hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị...). Vì vậy, việc triển khai thực hiện Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực lớn nhưng giới hạn về đối tượng, nội dung thực hiện.

b) Về thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030:

- Việc triển khai, phối hợp triển khai thực hiện vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc, tính chủ động chưa cao. Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người lao động, người dân mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng.

- Chính sách đãi ngộ, thu hút, giữ chân người tài đã được triển khai ở một số ngành đã tạo ra sức hút. Tuy nhiên, nguồn lực dành cho đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, thu hút, đãi ngộ nhân tài nhìn chung còn hạn chế.

c) Đối với lĩnh vực lao động – việc làm:

- Thị trường lao động phát triển chưa bền vững, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao, chất lượng lao động còn hạn chế, mất việc, cắt giảm việc làm khiến lao động rút bảo hiểm xã hội một lần tăng cao, nợ chậm đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

- Thực hiện Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam: Nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp và tiếp nhận báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được, chuyển từ Ban Quản lý Khu kinh tế, công

nghiệp về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Dẫn đến tăng nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhưng biến chế, số lượng người làm việc ngày càng giảm.

d) Công tác giáo dục nghề nghiệp: Việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương chưa được phân bổ nên ảnh hưởng đến thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ trong công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên xuất ngũ. Chưa có các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội, nhằm khuyến khích doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp nhận thanh niên xuất ngũ vào làm việc. Một số địa phương chưa bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ nguồn ngân sách của địa phương. Chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa theo kịp thay đổi trong sản xuất – kinh doanh; do đó doanh nghiệp phải thực hiện việc đào tạo lại lao động sau khi tuyển dụng. Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh, tổ chức bộ máy.

đ) Lĩnh vực người có công: Thực hiện Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ gặp những khó khăn vướng mắc, chế độ tuất đối với thân nhân người có công là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học nhưng không quy định rõ học liên tục hay không liên tục; có quy định những người hưởng mất sức lao động được hưởng thêm thương binh nhưng không có quy định người hưởng thương binh được hưởng thêm mất sức lao động; về quy định thời điểm hưởng trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân của thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên có sự mâu thuẫn về thời điểm hưởng giữa các điều, khoản trong Nghị định (tại điểm a khoản 3 Điều 125 quy định “*..hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng liền kề khi thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết*” và tại điểm b khoản 4 Điều 125 quy định “*...được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021*”).

Việc lập thủ tục, hồ sơ đề nghị thành lập bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ theo Điều 136, 137 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế về biên chế.

e) Lĩnh vực chính sách xã hội:

- Công tác bảo trợ xã hội: Mặc dù mức chuẩn trợ giúp bảo trợ xã hội có nâng lên, tuy nhiên số kinh phí đối tượng nhận được vẫn còn thấp, dưới mức chuẩn nghèo hiện hành của hộ nghèo, đời sống của đối tượng vẫn gặp nhiều khó khăn. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã gặp khó khăn khi xác định mức độ khuyết tật đối với dạng khuyết tật khác là bệnh hiểm cho người bị bệnh ung thư, nhất là người mắc bệnh ung thư ở giai đoạn đầu.

- Tình hình trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước vẫn còn xảy ra, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng đang khó khăn.

- Công tác cai nghiện ma túy tại Trung tâm Bảo trợ xã hội còn gặp nhiều hạn chế do diện tích đất, điều kiện vật chất, trang thiết bị, phương tiện và nhân lực còn thiếu so với các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị định

116/2021/NĐ-CP. Khả năng tiếp nhận của Trung tâm tối đa không quá 50 học viên nên xảy ra tình trạng một số trường hợp đã có quyết định của Tòa án nhưng chưa đưa vào Trung tâm, trong khi cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng hiệu quả chưa cao.

g) Về các công trình dự án do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm chủ đầu tư, đây là các công trình được phân bổ nguồn vốn thực hiện không thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn. Do đó việc triển khai thực hiện gấp rút trong thời hạn kế hoạch vốn được phân bổ, quá trình thực hiện thiếu sự chuẩn bị, thời gian đáp ứng theo yêu cầu tiến độ, việc triển khai thực hiện thiếu kịp thời theo kế hoạch đề ra. Nguồn lực chi cho đảm bảo an sinh xã hội đã tăng nhiều song chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu. Các chương trình, đề án mới được phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025 chậm được bố trí nguồn lực riêng để thực hiện.

h) Chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ở các địa phương, sở, ban, ngành phối hợp chưa được kịp thời nên ảnh hưởng đến việc tham mưu, đề xuất cơ chế chính sách cũng như giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn tiêu chí xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp để triển khai thực hiện các nội dung đào tạo nghề thuộc Tiểu dự án 1- Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Nghiên cứu, tham mưu Chính phủ bổ sung cơ sở Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên là đối tượng được hỗ trợ của Chương trình để địa phương có cơ sở, căn cứ thực hiện.

c) Hướng dẫn cụ thể về các vướng mắc trong thực hiện chính sách ưu đãi Người có công. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có quy định hưởng thêm về chế độ mất sức lao động đối với thương binh.

d) Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, địa phương tham mưu Chính phủ ban hành nghị định tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo không thấp hơn mức chuẩn nghèo ở nông thôn. Phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể danh mục các bệnh hiểm để địa phương có cơ sở xác định dạng khuyết tật khác cho đối tượng.

đ) Sớm ban hành quy định cụ thể về định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá dịch vụ công cai nghiện ma túy, sử dụng ngân sách nhà nước để đặt hàng, giao nhiệm vụ cho cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Kiến nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Quan tâm hàng năm bố trí nguồn kinh phí của tỉnh cho các sở, ban ngành và cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề. Phân bổ nguồn lực trung hạn của địa phương cho các trường cao đẳng, trung cấp để cải tạo, nâng cấp các hạng mục đã xuống cấp nhằm duy trì hoạt động đào tạo nghề có hiệu quả.

Phần II
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM,
GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2024

Năm 2024 là năm bản lề, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ; trong đó Ngành Lao động – Thương binh và Xã hội có 02 chỉ tiêu chính (về tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều và tỷ lệ lao động được đào tạo) trong tiến trình thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo tinh thần Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 – 2025. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội, nhằm góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tập trung, quyết liệt với quyết tâm cao trong tham mưu chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các chỉ tiêu, nhiệm vụ sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tiếp tục phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt các chính sách pháp luật lao động; nâng cao đời sống cho người có công, người nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; quan tâm phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội

a) Giải quyết việc làm cho 17.000 lao động, trong đó đưa 2.050 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72,5%.

c) Tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới mức 2,1%.

d) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1,76%.

đ) Tiếp nhận 60 người cai nghiện ma túy bắt buộc vào Trung tâm Bảo trợ xã hội; Tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho 180 người.

2.2. Chỉ tiêu phấn đấu của Ngành

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2024
1	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	31,2
2	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo thất nghiệp	%	23,9
3	Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm	%	0,02

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2024
	<i>Trong đó: Giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm</i>	%	0,2
4	Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	%	100
5	Tỷ lệ người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói	%	100
6	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 90
7	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 90
8	Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em	%	<1,5
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	>60
10	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	90
11	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện.	%	34,61
12	Tỷ lệ người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp	%	100
13	Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật	%	100

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2024

1. Bám sát nghị quyết, quyết định, chương trình, đề án của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trong Chiến lược phát triển Ngành giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2024. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong tham mưu chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ của Ngành.

2. Thực hiện các chương trình trọng điểm

a) Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững

tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh ban hành Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định hiện hành. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống. Ưu tiên giảm nghèo các xã có lộ trình phân đầu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo hộ có thành viên là người có công cách mạng; chú trọng công tác đào tạo nghề gắn với việc làm bền vững, huy động nguồn lực hỗ trợ nhà ở và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình dự án giảm nghèo, mô hình liên kết chuỗi giá trị tạo ra thu nhập bền vững cho người dân thuộc vùng dự án; tạo việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trọng tâm đưa huyện A Lưới thoát khỏi tình trạng huyện nghèo đặc biệt khó khăn vào Quý I/2024. Tổ chức sơ kết 03 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh ủy.

b) Chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao năm 2024

Tập trung triển khai Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 13/05/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện Đề án “Sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”, chú trọng công tác thành lập trường cao đẳng mới theo định hướng đào tạo chất lượng cao; Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực tỉnh Thừa Thiên Huế”, làm đầu mối, liên thông tích hợp cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực các ngành, lĩnh vực. Chú trọng triển khai thực hiện các nhiệm vụ về truyền thông và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, xây dựng hệ thống thông tin Quản lý giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm; phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững. Phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm; phát triển thị trường lao động, doanh nghiệp, doanh nhân và thực hiện tốt chính sách tín dụng nhằm tạo việc làm thông qua hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và từ các tổ chức tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giao dịch việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động; đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các chương trình hợp tác khác; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 01/4/2022, Kế hoạch số 322/KH-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Tăng cường phối hợp giữa các cấp công đoàn và các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện pháp luật lao động, BHXH, BHYT, BHTN, an toàn vệ sinh lao động... gắn với việc thực hiện xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng cao đời sống người có công với cách mạng. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực của xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người có công. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm đảm bảo khang trang. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ Người có công.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; đẩy mạnh dịch vụ nuôi dưỡng tự nguyện; tuyên truyền sâu rộng nghề Công tác xã hội; tổ chức tập trung, tiếp nhận, nuôi dưỡng người lang thang trên địa bàn tỉnh; tăng cường kêu gọi, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc chăm lo cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Chú trọng công tác phát triển toàn diện trẻ em; thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Thực hiện hiệu quả mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật và thực hiện hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về; trong đó, tách nhiệm vụ cai nghiện ma túy từ Trung tâm Bảo trợ xã hội thành lập cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Hướng dẫn thực hiện, đánh giá chỉ tiêu, nhiệm vụ phòng, chống ma túy trong danh mục các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

6. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu ngành với dữ liệu dân cư. Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, thực hiện nội quy, quy chế, kỷ cương hành chính; thực hiện tốt đạo đức công vụ và văn hóa công sở, tăng cường ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ hướng tới nền hành chính kiểu mẫu. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của Ngành trên cơ sở phối hợp thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu của ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính theo nguyên tắc không khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Năm 2024, trên cơ sở lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành và tình hình thực tế của địa phương; các văn bản hướng dẫn, định hướng chương trình, kế hoạch thanh tra năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, Sở sẽ ban hành kế hoạch thanh tra năm 2024 và tổ chức triển khai thực hiện. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân; xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh kịp thời. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

8. Tập trung xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính – ngân sách giai đoạn 2024-2026 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả. Chú trọng phân cấp thực hiện ngân sách cho cấp huyện theo quy định pháp luật.

9. Về hợp tác quốc tế, truyền thông, phối hợp liên ngành

Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực trong cộng đồng về thực hiện công tác an sinh xã hội.

Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện và hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội; góp phần cùng cả tỉnh thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo.

Trên đây là kết quả công tác lao động, người có công và xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐTBXH;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, trung tâm thuộc Sở (t/hiện);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Phúc

